

Số: 34/2025/QĐST-HNGĐ

Huế, ngày 04 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ**

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 19/2025/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

\* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Kiên H, sinh năm 1970.

Nơi thường trú: Số D đường L, phường P, thành phố H.

Nơi ở hiện nay: Số B đường Ô, phường P, thành phố H.

- Bà Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1978.

Nơi thường trú: Số B đường Ô, phường P, thành phố H.

Nơi ở hiện nay: Nhà D, đường A, khu A, phường A, thành phố H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Kiên H và bà Lê Thị Ngọc L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H) vào ngày 05/9/2003 trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà L là hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau một thời gian dài thì xảy ra mâu thuẫn; Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng chung, bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống dẫn tới mâu thuẫn kéo dài. Do mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được nên ông Trần Kiên H và bà Lê Thị Ngọc L cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Ông Trần Kiên H và bà Lê Thị Ngọc L công nhận vợ chồng có 02 con chung tên Trần Kiên Đông N, sinh ngày 21/10/2008 và Trần Kiên Thùy N1, sinh ngày 21/11/2009.

Ông Trần Kiêm H và bà Lê Thị Ngọc L thoả thuận giao cháu Trần Kiêm Đông N và Trần Kiêm Thùy N1 cho ông Trần Kiêm H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đều đủ 18 tuổi). Bà Lê Thị Ngọc L không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: Ông Trần Kiêm H và bà Lê Thị Ngọc L tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Kiêm H và bà Lê Thị Ngọc L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Ông H, bà L đã nộp đủ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 25 tháng 7 năm 2025), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của ông Trần Kiêm H và bà Lê Thị Ngọc L.

- Về nuôi con chung: Giao người con chung tên Trần Kiêm Đông N, sinh ngày 21/10/2008 và Trần Kiêm Thùy N1, sinh ngày 21/11/2009 cho ông Trần Kiêm H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đều đủ 18 tuổi). Bà Lê Thị Ngọc L không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: Ông Trần Kiêm H và bà Lê Thị Ngọc L tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Kiêm H và bà Lê Thị Ngọc L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Ông H, bà L đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003365 ngày 18/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H, nên được khấu trừ, không phải nộp nữa.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND KV2 - Huế;
- THADS TP Huế;
- UBND phường Phú Xuân;  
(ĐKKH số 58 ngày 05/9/2003)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Mai Văn Phú**